

Bản án số: 31/2020/HSST
Ngày: 19 - 02 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hoa;
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tấn, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương:
Bà Mai Thị Năm, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 355/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Hữu C, sinh năm 1993 tại Long An; nơi cư trú: Ấp 3, xã M, huyện Đức H, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Sửa xe ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1964 và bà Đinh Ngọc L, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 21/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt 03 năm tù về tội Giao cấu với trẻ em theo Bản án số 15/2012/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 24/11/2014.

- Ngày 24/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đức H, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 45/2015/HSST. Bị cáo chấp hành hình phạt xong ngày 12/01/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2019 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970, vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1980, vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: A20/12 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Lê Hữu C có quen biết với đối tượng tên Nam (không xác định được lai lịch địa chỉ). Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 06/9/2019 Nam điện thoại cho C để thuê C đi nhận xe mô tô từ các đối tượng trộm cắp tại Bình Dương rồi điều khiển xe mô tô đi đến Đ, tỉnh Long An có người đưa số tiền 700.000 đồng để trả công thì C đồng ý. Sau đó, một đối tượng không rõ lai lịch địa chỉ chở C từ huyện Đ, tỉnh Long An đến Bình Dương để nhận xe. Trước đó Nam nhờ đối tượng đến chở C đưa cho C bộ chìa khóa gồm 02 chìa để sử dụng gắn vào ổ khóa của xe mô tô nhận từ các đối tượng trộm cắp. Đến 19 giờ cùng ngày, C đến một bãi đất trống thuộc khu phố 4, phường A, thị xã T được 02 đối tượng không rõ lai lịch giao cho C xe mô tô Honda PCX, biển số 61C1 – 258.49. C lấy chìa khóa xe N đưa từ trước cắm vào ổ khóa xe trên và điều khiển xe đi về Long An. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày khi C điều khiển xe mô tô về đến khu vực thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thì bị Tổ tuần tra giao thông kiểm tra hành chính, đối tượng C không xuất trình được giấy đăng ký xe và có nhiều biểu hiện nghi vấn nên tổ công tác tiến hành mời đối tượng cùng tang vật về Công an xã Đ để làm việc. Quá trình làm việc, đối tượng C đã khai nhận hành vi như trên.

Qua điều tra xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/9/2019, tại nhà ông Nguyễn Văn H, địa chỉ 20/12, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị mất trộm xe mô tô biển số 61C1-258.49. Sau khi bị mất trộm xe, ông H đến công an trình báo về vụ việc trên.

Tang vật thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô biển số 61C1-258.49; 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Honda và 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha.

Theo Biên bản và Bản kết luận định giá tài sản ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX, mang biển số 61C1-258.49, có giá trị là 27.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-TA ngày 31/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố bị cáo Lê Hữu C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lê Hữu Ca từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trịnh Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Trịnh Thị H xác định chiếc xe mô tô biển số 61C1-258.49 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trịnh Thị H. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả chiếc xe nêu trên cho bà H nên ông H, bà H không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hữu C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong

hồ sơ vụ án, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 06/09/2019, bị cáo Lê Hữu C biết rõ xe mô tô biển số 61C1-258.49 do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có nhưng vẫn điều khiển xe từ khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương về huyện Đ, tỉnh Long An để được trả tiền công 700.000 đồng. Mặt khác, vào năm 2012 và 2015 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt về tội Giao cầu với trẻ em và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Hữu C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo Lê Hữu C với tội danh, điều, khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có mà vẫn đi tiêu thụ là vi phạm pháp luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự, trị an tại địa phương và cũng là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản ngày càng gia tăng nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo suy nghĩ lại hành vi phạm tội của mình, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trịnh Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 61C1-258.49, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của bà Trịnh Thị H nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà H là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 02 chìa khóa xe là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với đối tượng N và các đối tượng khác giao xe cho bị cáo C, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh. Khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với vụ án trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô biển số 61C1-258.49, Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án để điều tra nhưng chưa xác định đối tượng thực hiện hành vi phạm tội, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Hữu Cảnh phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Honda và 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/01/2020).

3. Về án phí: Bị cáo Lê Hữu C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Huỳnh Ngọc Kiệt**